

PHỤ LỤC II

Kết quả rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành liên quan công tác quy hoạch

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày /5/2020 của Sở Tư pháp)

| STT | Tên văn bản | Nội dung không còn phù hợp | Cơ sở pháp lý | Ý kiến xem xét, đánh giá của cơ quan rà soát | |
|--|--|--|---|---|--------------------------|
| | | | | Về dấu hiệu không còn phù hợp | Đề xuất hướng giải quyết |
| I. Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia | | | | | |
| 1. | Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 15/7/2010 Quy định nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường do ngân sách Nhà nước bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang | - Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác: + Luật Ngân sách nhà nước năm 2002; + Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; + Nghị định số 60/2003/NĐ-CP năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; + Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường | - Văn bản thay thế: + Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; + Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; + Nghị định số 163/2016/NĐ-CP năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; + Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường | Tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 07/2010/NQ-HĐND các căn cứ còn hiệu lực thi hành; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; tuy nhiên đến thời điểm rà soát các văn bản căn cứ nêu trên đã hết hiệu lực | Thay thế ¹ |

¹ Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|--|--|--|---|---|--|
| | | <p>- Nội dung Điều 5, Điều 6 không còn phù hợp với khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC, cụ thể:</p> <p>“Điều 5. Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh</p> <p>1. Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 đến 2020; thực hiện các chương trình quan trắc môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:</p> <p>- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý nằm trong danh mục dự án theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng</p> | <p>Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC quy định:</p> <p>“2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương</p> <p>a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường của địa phương;</p> <p>b) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường địa phương; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của địa phương; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của địa phương;</p> <p>c) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ</p> | <p>thi hành, một số nội dung không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</p> | |
|--|--|--|---|---|--|

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.</p> <p>- Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học thụ hưởng ngân sách tỉnh và các cơ sở giam giữ của nhà nước do cấp tỉnh quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.</p> <p>- Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>3. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương, bao gồm: hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường, hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.</p> <p>4. Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên của Nhà nước; quản lý cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, nhân giống một số loài động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng do cấp tỉnh quản lý.</p> <p>5. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của cấp tỉnh (bao gồm: thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.</p> <p>6. Báo cáo môi trường định kỳ và đột</p> | <p>tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương;</p> <p>d) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường của địa phương (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của địa phương;</p> <p>đ) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của địa phương theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.</p> | | |
|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|
| | | <p>xuất; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của tỉnh.</p> <p>7. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh; Hỗ trợ lực lượng cảnh sát môi trường tỉnh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>9. Tuyên truyền, tập huấn, nhân rộng các điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh.</p> <p>10. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường hàng năm cho tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp nhiệm vụ bảo vệ môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.</p> <p>11. Hỗ trợ các ngành, cơ quan có liên quan của tỉnh phối hợp tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh</p> <p>12. Hỗ trợ các hoạt động thực hiện</p> | <p>e) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:</p> <p>- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt</p> | | |
|--|--|---|--|--|--|

| | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|
| | | <p>các dự án, đề án bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu theo tinh thần của Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg ngày 28/7/2006 của Thủ tướng chính phủ.</p> <p>13. Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường địa bàn tỉnh do cấp tỉnh quản lý.</p> <p>14. Hỗ trợ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh theo quy định quản lý ngân sách.</p> <p>15. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc cấp tỉnh.</p> <p>Điều 6. Nhiệm vụ chi kinh phí sự nghiệp môi trường các huyện, thành phố</p> <p>1. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn. Vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh. | <p>để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 5 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt tại địa phương (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải). - Dự án về bảo vệ môi | | |
|--|--|--|---|--|--|

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>- Dự án xử lý chất thải cho một số cơ sở y tế, trường học thụ hưởng ngân sách các huyện, thành phố không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.</p> <p>- Các dự án, đề án bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.</p> <p>2. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.</p> <p>3. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương, bao gồm: hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.</p> <p>4. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của cấp huyện (bao gồm: thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.</p> <p>5. Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; Xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của các huyện, thành phố.</p> | <p>trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;</p> <p>g) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;</p> <p>h) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường địa phương; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của địa phương;</p> <p>i) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết</p> | | |
|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|
| | | <p>6. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền các huyện, thành phố.</p> <p>7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường, nhân rộng các điển hình tiên tiến bảo vệ môi trường địa bàn các huyện, thành phố.</p> <p>8. Chi giải thưởng, khen thưởng bảo vệ môi trường các huyện, thành phố cho các tổ chức và cá nhân có thành tích đóng góp vào nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý.</p> <p>9. Hợp đồng lao động có chuyên môn nghiệp vụ về môi trường ở các huyện, thành phố và cấp xã.</p> <p>10. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc các huyện, thành phố.”</p> | <p>bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội). Nội dung hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;</p> <p>k) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.</p> <p>l) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập</p> | | |
|--|--|---|--|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | <p>huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền quyết định;</p> <p>m) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của địa phương và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;</p> <p>n) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của địa phương;</p> <p>o) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm</p> | |
|--|--|--|--|--|

| | | | | | |
|----|---|--|---|--|-----------------------|
| | | | <p>văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có);</p> <p>p) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;</p> <p>q) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chỉ sự nghiệp về bảo vệ môi trường;</p> <p>r) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã;</p> <p>s) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của địa phương.”</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BTC.</p> | | |
| 2. | Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 22/3/2010 Ban hành quy chế thu | <p>- Khoản 1 Điều 7 viện dẫn đến Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT hiện nay đã hết hiệu lực được thay thế bằng văn bản khác.</p> <p>- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP</p> | <p>- Văn bản thay thế:</p> <p>+ Nghị định số 73/2017/NĐ-</p> | Tại thời điểm ban hành Quyết định số 18/2010/QĐ- | Thay thế ² |

² Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|--|---|---|--|---|--|
| | <p>thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang</p> | <p>ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;</p> <p>+ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ.</p> | <p>CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;</p> <p>+ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng</p> | <p>UBND các căn cứ còn hiệu lực thi hành; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; tuy nhiên đến thời điểm rà soát các văn bản căn cứ nêu trên đã hết hiệu lực thi hành, một số nội dung không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</p> | |
| | | <p>- Các điều khoản của Quy chế viện dẫn áp dụng văn bản QPPL do Trung ương ban hành đến nay đều đã hết hiệu lực, cụ thể:</p> <p>+ Khoản 2 Điều 2; khoản 3 Điều 12; khoản 2 Điều 17 viện dẫn áp dụng Nghị định số 102/2008/NĐ-CP đã hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;</p> <p>+ Điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 5; Điều 7; khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 14; Khoản 1, khoản 4 Điều 16; viện dẫn áp dụng Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT đã hết hiệu lực được thay thế bằng Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT;</p> <p>+ Khoản 2 Điều 12 viện dẫn áp dụng Thông tư số 26/2009/TT-</p> | <p>- Văn bản hiện hành:</p> <p>+ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;</p> <p>+ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT;</p> <p>+ Thông tư 32/2017/TT-BTTTT;</p> | | |

| | | | | | |
|----|--|--|---|---|-----------------------|
| | | <p>BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và truyền thông Quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thông tin điện tử của cơ quan nhà nước đến nay đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Thông tư 32/2017/TT-BTTTT về quy định cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;</p> <p>+ Mẫu số 2: (i) trong phần căn cứ của Hợp đồng viện dẫn “Bộ luật Dân sự năm 2005” đã hết hiệu lực được thay thế bằng Bộ luật Dân sự năm 2015; (ii) phần nội dung Điều 5 viện dẫn áp dụng Nghị định số 102/2008/NĐ-CP đã hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.</p> | | | |
| 3. | <p>Quyết định số 299/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 về việc quy định hệ số K thành phần để áp dụng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang</p> | <p>- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;</p> | <p>- Văn bản thay thế:</p> <p>+ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;</p> | <p>Tại thời điểm ban hành Quyết định số 299/2014/QĐ-UBND các căn cứ còn hiệu lực thi hành; nội dung phù hợp</p> | Thay thế ³ |

³ Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|---|--|---|---|---|--|
| | | <p>+ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.</p> | <p>+ Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT. Hiện nay Thông tư này cũng bị bãi bỏ bởi Nghị định số 156/2018/NĐ-CP</p> | <p>với quy định của pháp luật hiện hành; tuy nhiên đến thời điểm rà soát các văn bản căn cứ nêu trên đã hết hiệu lực thi hành, một số nội dung không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</p> | |
| <p>- Khoản 1 Điều 1 Quyết định viện dẫn áp dụng Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT đến nay đã hết hiệu lực, được thay thế bằng văn bản khác.</p> <p>- Khoản 2 Điều 1 Quyết định này quy định Hệ số K4 không còn phù hợp: “Hệ số K4: Điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn đối với việc bảo vệ rừng: a. Đối với địa bàn xã đặc biệt khó khăn thì hệ số K4=1,00. b. Đối với địa bàn xã còn lại thì hệ số K4=0,90. Địa bàn xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”.</p> | <p>- Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT. Hiện nay Thông tư này cũng bị bãi bỏ bởi Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.</p> <p>- Điểm b khoản 2 mục II Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định: “b) Các hệ số K thành phần gồm: - Hệ số K₁ điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng, gồm rừng rất giàu và rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo. Hệ số K₁ có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng rất giàu và rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Hệ số K₂ điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân</p> | | | | |

| | | | | | |
|-------------------------------|--|--|--|--|--|
| | | | <p>cấp tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hệ số K_2 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất;</p> <p>- Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K_3 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng;</p> <p>- Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K_4 có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I.</p> <p>...”.</p> | | |
| II. Quy hoạch thủy lợi | | | | | |

| | | | | | |
|----|--|--|--|---|-----------------------|
| 4. | Quyết định số 97/2010/QĐ-UBND ngày 30/8/2010 ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang | <p>- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Luật Tài nguyên nước năm 1998;</p> <p>+ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 4/4/2001;</p> <p>+ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;</p> <p>+ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ;</p> <p>+ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;</p> <p>+ Thông tư số 36/2009/TT-BTC ngày 26/02/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ</p> <p>+ Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của</p> | <p>- Văn bản thay thế:</p> <p>+ Luật Tài nguyên nước năm 2017;</p> <p>+ Luật Thủy lợi năm 2017;</p> <p>+ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;</p> <p>+ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;</p> <p>+ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Luật Thủy lợi.</p> | <p>Tại thời điểm ban hành Quyết định số 97/2010/QĐ-UBND các căn cứ còn hiệu lực thi hành; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; tuy nhiên đến thời điểm rà soát các văn bản căn cứ nêu trên đã hết hiệu lực thi hành, một số nội dung không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</p> | Thay thế ⁴ |
|----|--|--|--|---|-----------------------|

⁴ Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi</p> | | | |
| | | <p>Một số điều của Quy định sao chép, quy định lại Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT đến nay đã hết hiệu lực thi hành, cụ thể: Điều 3, Điều 4, Điều 5 quy định lại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT.</p> | <p>Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Luật Thủy lợi.</p> | | |
| | | <p>Việc phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại Điều 6 Quy định căn cứ vào quy mô vừa, lớn, nhỏ quy định tại Điều 2 Nghị định số 72/2007/NĐ-CP, Điều 16 Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản này đã hết hiệu lực thi hành, được thay thế bằng các văn bản khác. Do đó, căn cứ phân cấp không còn phù hợp, cụ thể:</p> <p>“Điều 6. Phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi</p> <p>1. Giao cho các Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình đầu mối, các trục kênh chính và các công trình điều tiết nước có quy mô vừa và lớn thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh,</p> | <p>Điều 3 Nghị định số 114/2008/NĐ-CP ngày 04/9/2018 quy định về phân loại đập, hồ chứa nước:</p> <p>“1. Đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt ...</p> <p>2. Đập, hồ chứa nước lớn thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đập có chiều cao từ 15 m đến dưới 100 m hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm c khoản này;</p> <p>b) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và chiều dài đập từ 500 m trở lên hoặc đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000 m³/s;</p> | | |

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>liên huyện, liên xã có yêu cầu kỹ thuật về quản lý, vận hành, có đặc điểm, điều tiết, tính chất kỹ thuật phức tạp, cụ thể gồm:</p> <p>a) Hồ chứa: Hồ chứa có dung tích chứa trên 500.000m³ nước hoặc có chiều cao đập trên 12m phục vụ diện tích tưới phạm vi liên xã;</p> <p>b) Đập dâng: Đập dâng có chiều cao đập trên 10m, có quy mô tưới phạm vi liên xã;</p> <p>c) Trạm bơm: Trạm bơm điện phục vụ phạm vi liên xã hoặc có diện tích tưới, tiêu thiết kế trên 100ha;</p> <p>d) Kênh mương và công trình trên kênh: Các trục kênh chính và các công trình điều tiết nước có quy mô vừa và lớn thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, liên huyện, liên xã có yêu cầu kỹ thuật về quản lý, vận hành điều tiết nước phức tạp, tính từ vị trí công đầu kênh của địa phương đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.</p> <p>2. Giao cho UBND các huyện, thành phố quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi nhỏ, có đặc điểm, tính chất kỹ thuật đơn giản của địa phương đang quản lý và các công trình thủy lợi do các Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành</p> | <p>c) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 3.000.000 m³ đến dưới 1.000.000.000 m³, trừ hồ chứa quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Đập, hồ chứa nước vừa thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đập có chiều cao từ 10 m đến dưới 15 m hoặc đập của hồ chứa nước quy định tại điểm b khoản này, trừ đập quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Hồ chứa nước có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 3.000.000 m³.</p> <p>4. Đập, hồ chứa nước nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³.</p> <p>5. Thẩm quyền quyết định danh mục đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt, lớn, vừa, nhỏ</p> <p>...</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục đập, hồ chứa nước trên địa bàn, trừ đập, hồ chứa nước quy định tại điểm a, điểm b khoản</p> | | |
|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | |
|--|--|---|---------------|--|--|
| | | <p>viên khai thác công trình thủy lợi bàn giao, cụ thể gồm:</p> <p>a) Hồ chứa: Hồ chứa có dung tích chứa từ 500.000m³ trở xuống hoặc có chiều cao đập từ 12m trở xuống phục vụ trong phạm vi xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã);</p> <p>b) Đập dâng: Đập dâng có chiều cao đập từ 10m trở xuống, có quy mô tưới trong phạm vi xã;</p> <p>c) Trạm bơm điện: Trạm bơm điện phục vụ phạm vi xã có diện tích tưới, tiêu thiết kế từ 100ha trở xuống;</p> <p>d) Quy mô công đầu kênh: là công trình dẫn nước tưới hoặc tiêu nước có diện tích thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 50ha;</p> <p>đ) Các công trình kênh mương trước công đầu kênh thuộc hệ thống công trình thủy lợi do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi quản lý, khai thác và bảo vệ nhưng phục vụ độc lập cho một địa phương có thể phân cấp cho địa phương đó quản lý, khai thác và bảo vệ nhưng diện tích không vượt quá 500ha.</p> <p>3. UBND các huyện, thành phố được phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nêu tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm</p> | <p>này.”.</p> | | |
|--|--|---|---------------|--|--|

| | | | | | |
|----|---|--|--|---|---|
| | | giao công trình thủy lợi được phân cấp cho Tổ chức hợp tác dùng nước quản lý, khai thác và bảo vệ.”. | | | |
| 5. | <p>- Quyết định số 150/2013/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang</p> <p>- Quyết định số 639/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 Sửa đổi Khoản 1, Điều 1 Quyết định 150/2013/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước</p> | <p>- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001</p> <p>+ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;</p> <p>+ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi</p> | <p>- Văn bản thay thế:</p> <p>+ Luật Thủy lợi năm 2017</p> <p>+ Khoản 2 Điều 38 quy định xác định văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực:</p> <p>a) Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành các điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết thi hành văn bản đó đồng thời hết hiệu lực;</p> | <p>Tại thời điểm ban hành Quyết định số 150/2013/QĐ-UBND các căn cứ còn hiệu lực thi hành; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; tuy nhiên đến thời điểm rà soát các văn bản căn cứ nêu trên đã hết hiệu lực thi hành; mặt khác, cơ quan nhà nước ở Trung ương chưa ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết Luật Thủy lợi năm 2017; do đó,</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế sau khi cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi năm 2017⁵</p> |

⁵ Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Tài chính nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|-------------------------------|--|---|--|--|-------------------------------|
| | hoặc làm dịch vụ từ công trình thuỷ lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực, mức trần phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang | | | việc xác định các mức thu tiền nước tại Quyết định có còn phù hợp hay không phải căn cứ vào tình hình kinh tế xã hội của địa phương và văn bản của cơ quan nhà nước ở Trung ương sau khi ban hành. | |
| III. Quy hoạch đề điều | | | | | |
| 6. | Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang | Căn cứ pháp lý cuối cùng trình bày bằng dấu phẩy (,) | Khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về căn cứ ban hành văn bản: “..., dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.)” và Mẫu số 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. | Thể thức, kỹ thuật trình bày không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. | Sửa đổi, bổ sung ⁶ |
| | | Khoản 2 Điều 8 trình bày các điểm “a.”, “b.” | Khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: Thứ tự các điểm trong mỗi khoản dùng các chữ cái | | |

⁶ Đã nêu tại báo cáo số 224/BC-STP ngày 01/8/2018 của Sở Tư pháp kết quả kiểm tra văn bản QPPL do UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quý II/2018 - Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|--|--|---|---|--|--|
| | | | tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau có dấu đóng ngoặc đơn , bằng chữ in thường, cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng. | | |
| | Điểm đ khoản 1; điểm c khoản 4 Điều 6; khoản 4 Điều 7 viện dẫn văn bản không đầy đủ: “Nghị định số 104/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều” | Khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định kỹ thuật viện dẫn văn bản: “1. Khi viện dẫn văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản.” | Viện dẫn thiếu ngày tháng năm ban hành văn bản. | | |
| | - Điều 6: + Điểm c, điểm đ khoản 1 quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc thẩm quyền ... ”, “ Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn ... ” là chưa chính xác | - Quy định pháp luật hiện hành: + Khoản 1, khoản 2 Điều 1 và Điều 3 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định Sở là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. + Điều 5 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP quy định cơ | + Theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có các cơ quan chuyên môn trực thuộc – thuộc thẩm quyền. | | |

| | | | | | |
|--|--|---|--|---|--|
| | | <p>+ Điểm c Khoản 2 Điều 6: quy định Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm “Chỉ đạo thanh tra giao thông chủ trì phối hợp với Cảnh sát giao thông tuần tra, ngăn chặn, xử lý xe có tải trọng vượt quá tải trọng được phép đi trên đê; xác minh và xử lý</p> | <p>cấu tổ chức của Sở thuộc UBND cấp tỉnh gồm có: “1. Văn phòng. 2. Thanh tra. 3. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ. 4. Chi cục. 5. Đơn vị sự nghiệp công lập.”</p> <p>+ Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 267/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có các phòng, Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở.</p> <p>+ Khoản 5 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “từ ngữ được sử dụng trong văn bản phải thể hiện chính xác nội dung cần truyền đạt...”.</p> <p>+ Điểm b khoản 2 Điều 86 và khoản 1 Điều 87 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định Thanh tra đường bộ có nhiệm vụ, quyền hạn: “Thanh tra, phát hiện, ngăn chặn và xử phạt</p> | <p>+ Việc quy định Thanh tra giao thông có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Cảnh sát giao</p> | |
|--|--|---|--|---|--|

| | | | | | |
|--------------------------------------|--|---|--|--|--|
| | | <p>xe có tải trọng vượt quá tải trọng được phép đi trên đê theo đề nghị của lực lượng quản lý đê.” là chưa chính xác, phù hợp</p> | <p>vi phạm hành chính trong việc chấp hành các quy định về hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải <i>tại các điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và tại cơ sở kinh doanh vận tải đường bộ.</i>”; Cảnh sát giao thông đường bộ “thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ đối với người và phương tiện <i>tham gia giao thông đường bộ ...</i>”.</p> | <p>thông trong trường hợp này là không phù hợp với quy định của pháp luật vì Thanh tra giao thông có nhiệm vụ, quyền hạn này tại các điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và tại cơ sở kinh doanh vận tải đường bộ; còn xe đi trên đê không phải là các điểm trên.</p> | |
| <p>IV. Quy hoạch xây dựng</p> | | | | | |

| | | | | | |
|----|--|--|--|--|-------------------------------------|
| 7. | <p>Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang</p> | <p>- Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;</p> <p>+ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm</p> <p>+ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;</p> <p>+ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường</p> | <p>- Văn bản thay thế:</p> <p>+ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản chi phí đầu tư xây dựng</p> <p>+ Quyết định số 152/QĐ-BKHĐT ngày 04/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực và hết hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2019 đã công bố văn bản này hết hiệu lực do Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 hết hiệu lực</p> <p>+ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các</p> | <p>Tại thời điểm ban hành Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND các căn cứ còn hiệu lực thi hành; nội dung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; tuy nhiên đến thời điểm rà soát các văn bản căn cứ nêu trên đã hết hiệu lực thi hành, một số nội dung Quyết định không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung⁷</p> |
|----|--|--|--|--|-------------------------------------|

⁷ Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Xây dựng và Sở Kế hoạch đầu tư nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|--|--|---|--|--|--|
| | | <p>+ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước</p> <p>+ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2018 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.</p> <p>+ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng</p> <p>- Văn bản được viện dẫn đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Điều 9 Điều 11 Điều 12, Điều 14, Điều 18, Điều 19, Điều 20 viện dẫn quy định tại Nghị định số 77/2015/NĐ-CP; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP.</p> <p>+ Khoản 2, khoản 3 Điều 16 viện</p> | <p>ngị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường</p> <p>+ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước</p> <p>+ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng</p> <p>+ Quyết định số 152/QĐ-BKHĐT ngày 04/2/2020 đã công bố văn bản này hết hiệu lực do Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 hết hiệu lực</p> <p>+ Thông tư số 25/2019/TT-</p> | | |
|--|--|---|--|--|--|

| | | | | | |
|---|--|---|---|---|------------------------------------|
| | | <p>dẫn Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>+ Điều 23, Điều 24 viện dẫn Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng</p> <p>+ Điều 25 viện dẫn Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC.</p> | <p>BTNMT</p> <p>+ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP</p> <p>+ Thông tư số 10/2020/TT-BTC</p> | | |
| V. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích | | | | | |
| 8. | <p>Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 ban hành Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; công trình tín ngưỡng, tôn giáo có tiềm năng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc</p> | <p>Khoản 1 Điều 5: quy định nội dung phân cấp quản lý di tích của UBND tỉnh cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> | <p>- Khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định: “... cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của</p> | <p>Tại thời điểm ban hành, quy định nội dung phân cấp quản lý di tích của UBND tỉnh cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là không phù hợp vì đây là nhiệm vụ của</p> | <p>Bãi bỏ một phần⁸</p> |

⁸ - Đã nêu tại báo cáo số 11/BC-STP ngày 11/01/2019 của Sở Tư pháp kết quả kiểm tra văn bản QPPL do UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quý IV/2018
 - Tại Công văn tham gia ý kiến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhất trí với kết quả rà soát này.

| | | | | | |
|--|--|---|--|--|-----------------------------|
| | Giang | | <p>mình ...”;</p> <p>- Khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hoá và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 90/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang đã quy định các nhiệm vụ này cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang phải thực hiện theo quy định (không phải là nhiệm vụ, trách nhiệm của UBND tỉnh). | |
| VI. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện | | | | | |
| 9. | Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 ủy quyền phê duyệt giá | Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND không gửi Sở Tư pháp hoàn thiện trước khi UBND tỉnh ký ban hành | Khoản 1 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 353/2016/QĐ-UBND. | Tại thời điểm ban hành, Quyết định chưa đảm bảo | Đính chính; rút kinh nghiệm |

| | | | |
|---|---|--|---|
| đất cụ thể; thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang | | | trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ⁹ |
| | <p>Căn cứ pháp lý hết hiệu lực thi hành hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng văn bản khác:</p> <p>+ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;</p> <p>+ Thông tư số 02/2015/TT-BTC ngày 05/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2012/TT-BTC</p> | <p>Văn bản thay thế:</p> <p>+ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản</p> | <p>Tại thời điểm ban hành và thời điểm kiểm tra Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND có căn cứ pháp lý ban hành không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành</p> |

⁹ Nội dung này đã nêu tại báo cáo số 231/BC-STP ngày 14/10/2016 của Sở Tư pháp kết quả tự kiểm tra văn bản QPPL do UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quý IV/2019